TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2020/DS-PT
Ngày: 04 - 3 - 2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long
Các Thẩm phán: Ông Lê Tự
Ông Mai Xuân Thành

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Đoàn Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 04 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 62/2019/TLPT-DS ngày 26/12/2019, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 210/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị Ngọc C, sinh năm 1965; Địa chỉ: Thôn V1, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1955; Cùng cư trú tại: Thôn V1, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1991; vắng mặt.

- Anh Nguyễn Bá Đ, sinh năm 1993; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1996;

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Thu L là bà Trương Thị Ngọc C (Theo văn bản ủy quyền ngày 12/02/2019); có mặt.

- Anh Nguyễn Anh T1, sinh năm 1977;

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Anh T1 là chị Huỳnh Thị T H (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/01/2019); có mặt.

- Chị Huỳnh Thị T H, sinh năm 1979; có mặt.

- Anh Nguyễn Anh V, sinh năm 1980; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1982; vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị Thùy A, sinh năm 1986; vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; vắng mặt.

Cùng cư trú tại thôn V1, xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1984; Cư trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Người đại diện theo pháp luật có Ông Nguyễn Quang T, Chủ tịch, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh T T- Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (Theo quyết định số 284/QĐ-UBND ngày 24/02/2020); có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trương Thị Ngọc C trình bày:

Thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8, diện tích 225m^2 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D ngày 08/11/2006 (thửa đất số 111) nguyên là đất có nhà ở của cụ Nguyễn D (SC), cụ D không có con nên nhận nuôi chồng bà là Nguyễn Văn P (là cháu gọi cụ D là Ông) để nương tựa tuổi già. Năm 1976 (hay 1979) cụ D chết, chồng bà tiếp tục quản lý thửa đất này; đến năm 1981

chồng bà đi bộ đội nên căn nhà cũng như các công trình phụ trên đất tạm thời giao cho cụ Nguyễn N và một số bà con khác như các ông Nguyễn D, Nguyễn H trồng rau để đợi ông P về giao lại, vì vậy thửa đất này không có ai đăng ký, kê khai.

Sau khi xuất ngũ về, do xin được thửa đất ở ven đường Quốc lộ 1A, nên chồng bà không yêu cầu những người đang sử dụng đất của cụ D trả lại đất. Cũng tại thời điểm này cụ Nguyễn N chết, ông Nguyễn Văn T là con của cụ Nguyễn N tiếp tục sử dụng và xảy ra tranh chấp. Năm 2003, chồng bà đã có nhiều đơn thư gửi đến Ủy ban nhân dân xã P nhưng không được giải quyết cho đến nay.

Thửa đất số 111 hiện nay con trai và con dâu của ông T là anh Nguyễn Anh T1, chị Huỳnh Thị T H đang quản lý, sử dụng.

Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH. 820340, số vào sổ H.06936 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D ngày 08/11/2006 đối với thửa đất số 111.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Anh T1, chị Huỳnh Thị T H và những người có tên trong hộ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chị Nguyễn Thị Thùy A, chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Nguyễn Anh V, chị Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T trả lại toàn bộ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8, diện tích 225,2 m^2 tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho Bà.

- *Theo văn bản trình bày ngày 15/01/2019, ngày 14/2/2019, ngày 30/8/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D trình bày:*

Theo trích lục Đại Nam Trung Kỳ C Phủ thửa đất có số hiệu 861, 862 (biến động thành các thửa đất 84, 85, 86, 111 và một con đường đi khoảng 2 mét theo trích lục bản đồ địa chính khu đất) của cụ cố Nguyễn H1 cho con ruột là cụ Nguyễn M. Quá trình sử dụng cụ Nguyễn M cho hai anh em thúc bá hai phần đất phía sau hiện nay là thửa đất số 85, thửa đất số 86 do ông Nguyễn H và ông Nguyễn D quản lý, sử dụng. Từ khi cụ M cho đất, vì là đất phía sau không có đường đi nên cụ M tạo điều kiện và mở con đường khoảng hai mét qua phần đất còn lại của cụ M để cho hai gia đình phía sau đi lại. Sau đó cụ Nguyễn M tiếp tục cho con ruột là Nguyễn N (cha của ông Nguyễn Văn T) phần đất còn lại đang sử dụng. Năm 1976-1977 thực hiện chủ trương đưa đất vào Hợp tác xã nông nghiệp, cụ Nguyễn N đã đưa thửa đất này vào Hợp tác xã nông nghiệp 3, xã P. Sau đó hộ ông Nguyễn N được nhà nước cân đối đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP và giao lại thửa đất

này. Năm 1999 UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn N. Sau đó cụ Nguyễn N cho ông Nguyễn Văn T phần diện tích đất còn lại hiện nay là thửa đất số 84, thửa đất số 111 và đường đi.

Trước đây các thửa đất 84, thửa đất số 111 và đường đi là một thửa, nhưng vì có đường đi khoảng 2 mét cụ Nguyễn M cho hai gia đình phía sau đi nên thửa đất ông Nguyễn N cho trước đây đã tách thành hai thửa đất là thửa đất số 84, thửa đất số 111 và đường đi chung khoảng 02 mét. Hiện nay thửa đất số 84 và thửa đất số 111 đều được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Nay bà Trương Thị Ngọc C khởi kiện thì Ông, bà không đồng ý, vì đây là đất của ông, bà để lại cho Ông và đã đưa vào hợp tác xã, nhà nước đã cân đối cho gia đình ông quản lý sử dụng trên 30 năm, không có ai tranh chấp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thu B, anh Nguyễn Bá Đ, chị Nguyễn Thị Thu L trình bày*: Thống nhất như trình bày của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Huỳnh Thị T H, anh Nguyễn Anh T1, chị Nguyễn Thị T3,anh Nguyễn Anh V, chị Nguyễn Thùy L, chị Nguyễn Thị Thùy A, bà Nguyễn Thị T trình bày:* Thống nhất với trình bày của bị đơn.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:* Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH. 820340, số vào sổ H.06936 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Được ngày 08/11/2006 đối với thửa đất số 111 là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc C về việc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Anh T1, chị Huỳnh Thị T H và những người có tên trong hộ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chị Nguyễn Thị Thùy A, chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Nguyễn Anh V,

chị Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T trả lại toàn bộ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8, diện tích 225m^2 (đo đạc thực tế 225,2m^2) tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trương Thị Ngọc C.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH. 820340, số vào sổ H.06936 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D ngày 08/11/2006.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 27/10/2019 bà Trương Thị Ngọc C kháng cáo bản án sơ thẩm với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án sơ thẩm và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D ngày 08/11/2006.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa có ý kiến: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Bà Trương Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D trả lại toàn bộ thửa đất số 111 diện tích 225m^2 (đo đạc thực tế 225,2m^2) tại xã P, huyện Đ và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông T, bà D ngày 08/11/2006. Bản án sơ thẩm đã xác định quan hệ pháp luật *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo:

Xem xét về nguồn gốc và quá trình sử dụng: Thửa đất tranh chấp số 111 tờ bản đồ số 8, diện tích 225m^2 (đo đạc thực tế 225,2m^2) tại xã P, huyện Đ do cụ Nguyễn N (cha của bị đơn ông Nguyễn Văn T) trực tiếp quản lý, sử dụng từ trước năm 1975 được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ

Nguyễn N vào 30/12/1999. Đến nay, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Anh T1, chị Huỳnh Thị T H đang tiếp tục sử dụng.

Ông Nguyễn Văn T xác định nguồn gốc thửa đất tranh chấp được biến động từ thửa đất có số hiệu 861, 862 tại tờ trích lục Đại Nam Trung Kỳ C Phủ của cố Nguyễn H1 cho con là cụ Nguyễn M. Quá trình sử dụng cụ Nguyễn M cho con trai Nguyễn N sử dụng. Năm 1976-1977 thực hiện chính sách hợp tác hóa nông nghiệp của đảng và nhà nước, cụ Nguyễn N đã đưa thửa đất 111 vào hợp tác xã nông nghiệp xã P 3 và được nhà nước cân đối đất theo Nghị định 64/CP cho hộ gia đinh cụ Nguyễn N là cha của bị đơn ông Nguyễn Văn T. Sau đó cụ Nguyễn N cho con trai Nguyễn Văn T. Bị đơn cung cấp trích lục Đại Nam Trung Kỳ C Phủ thửa đất có số hiệu 861, 862 (Bút lục 80, 83); bản đóng dấu Chùa Từ Quang xã Đức Lân (bút lục 86-88); giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 111 (Bút lục 84).

Bà Trương Thị Ngọc C xác định thửa đất số 111 là của cố Nguyễn H1 chia cho con là cụ Nguyễn D, cụ D không có con nên nhận chồng bà là ông Nguyễn Văn P làm con nuôi để nương tựa tuổi già. Sau khi cụ D chết, chồng bà tiếp tục quản lý thửa đất này, đến năm 1981 chồng bà đi bộ đội nên đất tạm thời giao cho cụ Nguyễn N quản lý, sử dụng. Sau đó cụ N giao cho con trai Nguyễn Văn T là bị đơn quản lý, sử dụng và tự đi đăng ký, kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nhưng bà C không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh việc cụ Nguyễn D có căn cứ sử dụng đất và giao thửa đất 111 cho ông Nguyễn Văn P sử dụng. Nguyên đơn đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh có căn cứ sử dụng đất. Hơn nữa, trong trường hợp nội dung bà C trình bày là đúng thì gia đình bà C cũng đã được Nhà nước giao cho diện tích đất khác sử dụng, diện tích đất tranh chấp đã được Nhà nước quản lý và giao sử dụng theo các chính sách quản lý đất đai qua các thời kỳ, bà C không có quyền đòi lại.

Tại văn bản số 61/TTCNTT ngày 03/7/2019 của Trung tâm công nghệ thông Tin Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thông tin thì Trung tâm có lưu trữ bản đồ thời kỳ Pháp của thửa đất số 861, 862, tờ bản đồ số 01, thôn Vinh Hiển, xã Phổ Cảm, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi đo vẽ năm 1935.

Như vậy, xác định thửa đất 111 có nguồn gốc là của cụ Nguyễn H1 (các giấy tờ thời Pháp thuộc đều mang tên Nguyễn H1) sau đó chuyển lại cho con trai ruột là cụ Nguyễn M, rồi tiếp tục cụ M giao lại cho cụ Nguyễn N sử dụng ổn định từ trước năm 1975. Ủy ban nhân dân huyện Đ và UBND xã P ngày 12/6/2019 (Bút lục 169) xác định thửa đất số 111 của cụ Nguyễn N đã đưa vào Hợp tác xã nông nghiệp 3 xã P theo chính sách hợp tác hóa nông nghiệp (năm 1976-1977). Sau đó Nhà nước cân

đối phân chia lại đất theo Nghị định 64/CP cho hộ cụ Nguyễn N. Ngày 30/12/1999, Ủy ban nhân dân huyện Đức phổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn N. Trên cơ sở của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ cụ Nguyễn N, ông Nguyễn Văn T (là con ruột) được thừa hưởng và đã được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đứng tên hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D là hợp lý.

Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bên bị đơn không xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của bên nguyên đơn, nên không chấp nhận yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Bản án sơ thẩm đã nhận định đầy đủ và toàn diện các nội dung khởi kiện, đánh giá đúng các tài liệu, chứng cứ để từ đó xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm không có chứng cứ gì mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Không chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Ngọc C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 35/2019/DSST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Áp dụng: khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc C về việc buộc ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Anh T1, chị Huỳnh Thị T H và những người có tên trong hộ tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chị Nguyễn Thị Thùy A, chị Nguyễn Thị Thùy L, anh Nguyễn Anh V, chị Nguyễn Thị T3, bà Nguyễn Thị T trả lại toàn bộ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 8, diện tích 225m^2 (đo đạc thực tế 225,2m^2) tại xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi cho bà Trương Thị Ngọc C.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Ngọc C về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AH. 820340, số vào sổ H.06936 của Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị D ngày 08/11/2006.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị Ngọc C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004770 ngày 21/11/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ II)
- VKSCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKS ND tỉnh Phú Yên;
- Cục THA DS tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Phòng HCTP.

Nguyễn Tấn Long